TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 17 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 Luật Hôn N và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án N dân huyện Bình Sơn, về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1998; cư trú tại: Xóm T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1991; cư trú tại: Xóm T, thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 29/3/2017. Quá trình sống chung, giữa chị N và anh V xảy ra mâu thuẫn, hôn N không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung chung nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc chị N và anh V cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn N thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị N và anh V xác định giữa anh chị có hai con chung, gồm các cháu: Phạm Nguyễn Như A, sinh ngày 09/8/2016 và Phạm Nguyễn Khánh A, sinh ngày 18/01/2019, hiện anh V đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị N và anh V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn N và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh V thỏa thuận về việc chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Nguyễn Như A là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Nguyễn Khánh A là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Xét thấy thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa chị N và anh V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn N và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn N: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, ngày 29/3/2017 do Ủy ban N dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định này (ngày 17/4/2023).

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Như A, sinh ngày

09/8/2016 và cháu Phạm Nguyễn Khánh A, sinh ngày 18/01/2019 cho anh Phạm Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Nguyễn Như A là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Nguyễn Khánh A là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 17/4/2023 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn V là người đại diện cho các con chung chưa thành niên yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003463 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Đoàn Kiều Trung